

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(đã được soát xét)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06 - 38
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 38

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### **TẬP ĐOÀN**

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, tiền thân là Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 2180/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 953/QĐ-TTg ngày 23/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100061 ngày 13 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Tập đoàn tại: Số 1A Tràng Tiền, P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Phú Cường	Chủ tịch	(Nghỉ hưu ngày 01/06/2024)
Bà: Nguyễn Thị Thu Bình	Phụ trách Hội đồng thành viên	(Bổ nhiệm thành viên từ ngày 15/02/2024, Phụ trách Hội đồng thành viên từ ngày 13/06/2024)
Ông: Phùng Quang Hiệp	Thành viên	
Ông: Hoàng Mạnh Thắng	Thành viên	
Ông: Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 20/06/2024)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phùng Quang Hiệp	Tổng Giám đốc	
Ông: Lê Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Lê Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Đào Trọng Cường	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 24/04/2024)
Ông: Nguyễn Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 24/04/2024)

Các Kiểm soát viên bao gồm:

Ông: Nguyễn Như Diễm	Kiểm soát viên
Ông: Nguyễn Văn Luyện	Kiểm soát viên
Ông: Tăng Văn Quân	Kiểm soát viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Tập đoàn.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Phùng Quang Hiệp**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2024



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được lập ngày 31 tháng 07 năm 2024, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410. Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/06/2024, một số dự án của Tập đoàn như: Dự án Khai thác và Chế biến muối mỏ tại huyện Nongbok, tỉnh Khammouan, nước CHDCND Lào, hợp đồng với các bên liên quan đã dừng triển khai và đang thực hiện các thủ tục thanh lý; Dự án đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm đã tạm bàn giao đưa vào sử dụng nhưng đến nay chưa được quyết toán dự án hoàn thành và chưa thanh toán đầy đủ toàn bộ các khoản nợ vay và lãi vay đến hạn (Chi tiết các nội dung liên quan được trình bày tại các Thuyết minh số 4<sup>(1)</sup>, 4<sup>(2)</sup>, 6<sup>(\*)</sup>, 7<sup>(2)</sup>, 8<sup>(1)</sup>, 8<sup>(2)</sup>, 10<sup>(1)</sup>, 15<sup>(\*)</sup>, 17<sup>(1)</sup>, 17<sup>(2)</sup> và Thuyết minh số 31). Với các tài liệu được cung cấp, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này tới Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn.



## Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>7.502.458.333.418</b>	<b>7.430.593.602.286</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>192.259.820.690</b>	<b>55.458.655.173</b>
111	1. Tiền		192.259.820.690	39.258.655.173
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	16.200.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>2.278.190.000.000</b>	<b>1.847.050.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.278.190.000.000	1.847.050.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.794.511.453.859</b>	<b>5.292.026.857.397</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	645.435.875	287.435.875
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	7.712.580.267	7.475.684.278
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		81.995.072	81.995.072
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	2.202.635.508.339	2.232.635.508.339
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	08	10.814.645.885.840	10.687.961.914.925
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.231.209.951.534)	(7.636.415.681.092)
150	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>237.497.058.869</b>	<b>236.058.089.716</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.314.553.437	426.800.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		59.904.162.097	59.904.162.097
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	176.278.343.335	175.727.127.619

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>7.444.214.445.019</b>	<b>7.536.476.516.689</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>373.300.000</b>	<b>221.500.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	373.300.000	221.500.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>6.501.510.003</b>	<b>7.268.729.445</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.138.010.003	5.905.229.445
222	- Nguyên giá		36.502.371.268	36.502.371.268
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(31.364.361.265)	(30.597.141.823)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.363.500.000	1.363.500.000
228	- Nguyên giá		1.903.779.800	1.903.779.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(540.279.800)	(540.279.800)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	13	<b>8.396.609.400</b>	<b>8.396.609.400</b>
231	- Nguyên giá		8.396.609.400	8.396.609.400
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	10	<b>101.394.946.718</b>	<b>100.913.710.718</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		101.394.946.718	100.913.710.718
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>7.323.130.017.386</b>	<b>7.415.154.566.577</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		12.257.914.941.258	12.254.218.941.258
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		353.804.551.312	353.805.551.312
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		61.458.604.694	61.458.604.694
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.350.048.079.878)	(5.254.328.530.687)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.418.061.512</b>	<b>4.521.400.549</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	4.418.061.512	4.521.400.549
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>14.946.672.778.437</b>	<b>14.967.070.118.975</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.307.417.108.685</b>	<b>1.434.381.845.073</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>702.891.586.623</b>	<b>781.728.163.011</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	457.546.015.175	457.953.392.875
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	82.130.949	520.962.051
314	3. Phải trả người lao động		38.139.018.234	33.728.511.717
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.422.570	18.468.025
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	204.266.969.572	282.241.627.746
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.856.030.123	7.265.200.597
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>604.525.522.062</b>	<b>652.653.682.062</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	604.239.805.877	652.367.965.877
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		285.716.185	285.716.185
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>13.639.255.669.752</b>	<b>13.532.688.273.902</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>13.637.704.039.660</b>	<b>13.531.136.643.810</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		11.874.779.227.183	11.874.779.227.183
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.069.329.955.942	2.069.329.955.942
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(777.822.871.826)	(884.390.267.676)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(884.390.267.676)	(1.787.663.946.519)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		106.567.395.850	903.273.678.843
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		471.417.728.361	471.417.728.361
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>1.551.630.092</b>	<b>1.551.630.092</b>
431	1. Nguồn kinh phí		1.551.630.092	1.551.630.092
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>14.946.672.778.437</b>	<b>14.967.070.118.975</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Phụ trách Ban Tài chính Kế toán

Tổng Giám đốc



Vi Hoàng Sơn



Lương Thị Anh Đào




Phùng Quang Hiệp



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.555.294.536	1.692.810.551
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.555.294.536	1.692.810.551
11	4. Giá vốn hàng bán	21	358.857.918	469.933.386
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.196.436.618	1.222.877.165
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	860.635.116.598	659.863.724.488
22	7. Chi phí tài chính	23	95.739.109.191	(40.140.095.521)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	660.330.432.113	598.172.282.729
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		105.762.011.912	103.054.414.445
31	11. Thu nhập khác		871.303.102	-
32	12. Chi phí khác		65.919.164	103.339.037
40	13. Lợi nhuận khác		805.383.938	(103.339.037)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		106.567.395.850	102.951.075.408
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>106.567.395.850</u>	<u>102.951.075.408</u>

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Phụ trách Ban Tài chính Kế toán

Tổng Giám đốc



Vi Hoàng Sơn





Lương Thị Anh Đào

Phùng Quang Hiệp

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		106.567.395.850	102.951.075.408
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(169.230.081.486)	(151.274.813.312)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		870.558.479	673.467.314
03	- Các khoản dự phòng		690.513.819.633	507.685.443.862
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(133.521.262.275)	(2.592.570.863)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(727.093.197.323)	(657.041.153.625)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(62.662.685.636)	(48.323.737.904)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		44.768.357.311	60.850.583.281
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(126.964.736.388)	(1.529.616.977)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(887.753.437)	(500.726.645)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(3.841.271.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(145.746.818.150)	6.655.230.755
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(481.236.000)	(28.000.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.629.240.000.000)	(2.306.600.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.228.100.000.000	2.803.130.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.716.000.000)	(7.048.500.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.440.000	134.627.878.400
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		687.883.242.009	531.605.233.835
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		282.547.446.009	1.155.686.612.235
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		-	(700.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(700.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		136.800.627.859	462.341.842.990



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		55.458.655.173	35.854.849.260
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		537.658	44.279
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>192.259.820.690</u>	<u>498.196.736.529</u>

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Phụ trách Ban Tài chính Kế toán

Tổng Giám đốc



Vi Hoàng Sơn



Lương Thị Anh Đào



Phùng Quang Hiệp



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, tiền thân là Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 2180/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 953/QĐ-TTg ngày 23/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100061 ngày 13 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Tập đoàn được đặt tại: Số 1A Tràng Tiền, P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tập đoàn là: 13.718.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba nghìn bảy trăm mười tám tỷ đồng).

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Ngành, nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất phân bón và hóa chất; công nghiệp chế biến cao su; sản xuất và kinh doanh hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng, hóa dược, hóa dầu.
- Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính: Tư vấn thiết kế công nghiệp hóa chất; xuất, nhập khẩu vật tư, thiết bị hóa chất; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành hóa chất.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Tập đoàn có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Hóa chất	Hà Nội	Thương mại, dịch vụ
Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất	Hà Nội	Thông tin khoa học và công nghệ
Ban quản lý Dự án Đạm Ninh Bình	Ninh Bình	Ban quản lý dự án

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TẬP ĐOÀN

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Tập đoàn.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Tập đoàn.

### 2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn và được Ban Giám đốc Tập đoàn đánh giá là hợp lý.

### 2.5. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## 2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.8. Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.10. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 04 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

## 2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.



Các loại chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí thuê xe ô tô được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê.

#### 2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### 2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018, Thông tư số 59/2018/TTBTC ngày 16/07/2018 và Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### 2.16. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 2.17. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

#### 2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

## a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

## b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**2.20. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tập đoàn bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tập đoàn chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	897.762.888	457.388.512
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	191.362.057.802	38.801.266.661
Các khoản tương đương tiền	-	16.200.000.000
	<b>192.259.820.690</b>	<b>55.458.655.173</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

## a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.278.190.000.000	-	1.847.050.000.000	-
	<b>2.278.190.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.847.050.000.000</b>	<b>-</b>

Tại ngày 30/06/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại.

## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

## b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>12.257.914.941.258</b>	<b>(5.311.615.461.361)</b>	<b>12.254.218.941.258</b>	<b>(5.215.895.912.170)</b>
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	1.725.009.284.738	-	1.725.009.284.738	-
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào <sup>(1)</sup>	198.550.414.035	-	194.854.414.035	-
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình <sup>(2)</sup>	2.313.741.525.486	(2.313.741.525.486)	2.313.741.525.486	(2.313.741.525.486)
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	13.249.412.711	-	13.249.412.711	-
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	2.658.310.000.000	(2.157.946.094.423)	2.658.310.000.000	(2.061.013.659.808)
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	288.098.000.000	-	288.098.000.000	-
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	935.103.360.000	-	935.103.360.000	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	287.310.000.000	-	287.310.000.000	-
Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	802.500.000.000	(802.500.000.000)	802.500.000.000	(802.500.000.000)
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	287.063.294.000	-	287.063.294.000	-
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	239.858.725.000	-	239.858.725.000	-
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	637.020.884.800	-	637.020.884.800	-
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	156.060.000.000	-	156.060.000.000	-
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	237.019.910.000	-	237.019.910.000	-
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	63.593.100.000	-	63.593.100.000	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Tri	71.941.474.488	-	71.941.474.488	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	408.606.492.000	-	408.606.492.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	329.699.940.000	-	329.699.940.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	371.592.000.000	-	371.592.000.000	-
Công ty Cổ phần Xà Phòng Hà Nội	46.781.600.000	-	46.781.600.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	62.055.444.000	(37.427.841.452)	62.055.444.000	(38.640.726.876)
Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Việt Nam	124.750.080.000	-	124.750.080.000	-

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>353.804.551.312</b>	<b>(30.809.618.517)</b>	<b>353.805.551.312</b>	<b>(30.809.618.517)</b>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	4.120.680.000	-	4.120.680.000	-
Công ty Cổ phần Cảng đạm Ninh Bình	49.000.000.000	-	49.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp Việt <sup>(3)</sup>	71.261.030.000	(30.809.618.517)	71.262.030.000	(30.809.618.517)
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	17.290.772.288	-	17.290.772.288	-
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	20.235.000.000	-	20.235.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	88.955.824.628	-	88.955.824.628	-
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	68.044.917.557	-	68.044.917.557	-
Công ty TNHH Inoue Việt Nam	34.896.326.839	-	34.896.326.839	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>61.458.604.694</b>	<b>(7.623.000.000)</b>	<b>61.458.604.694</b>	<b>(7.623.000.000)</b>
Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Vĩnh Phú	7.623.000.000	(7.623.000.000)	7.623.000.000	(7.623.000.000)
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA	52.569.360.000	-	52.569.360.000	-
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	1.266.244.694	-	1.266.244.694	-
	<b>12.673.178.097.264</b>	<b>(5.350.048.079.878)</b>	<b>12.669.483.097.264</b>	<b>(5.254.328.530.687)</b>

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính trên do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

- (1) Dự án Khai thác và Chế biến muối mỏ tại huyện Nongbok, tỉnh Khammouan, nước CHDCND Lào đã dừng triển khai và đang thực hiện các thủ tục thanh lý hợp đồng với các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 28).
- (2) Dự án đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm đã tạm bàn giao đưa vào sử dụng nhưng đến nay chưa được quyết toán công trình hoàn thành, tình hình sản xuất kinh doanh thua lỗ, lỗ lũy kế đã vượt vốn chủ sở hữu.
- (3) Trong kỳ, Tập đoàn đã chuyển nhượng 100 cổ phần tại Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp Việt với giá bán 14.400 VND/cổ phần.



**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tập đoàn vào ngày 30/06/2024 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Lào Cai	100,00%	100,00%	Khai thác quặng Apatit
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào	100,00%	100,00%	Khai thác muối Kali
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Ninh Bình	100,00%	100,00%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Bắc Giang	97,66%	97,66%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	TP Hồ Chí Minh	98,16%	98,16%	Khí công nghiệp, Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	Hải Phòng	64,00%	64,00%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	65,00%	65,00%	Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Lào Cai	53,50%	53,50%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	65,05%	65,05%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	Hà Nội	67,06%	67,06%	SXKD Phân bón
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Phú Thọ	69,82%	69,82%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	Đồng Nai	51,00%	51,00%	Hóa chất tiêu dùng
Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	51,43%	51,43%	Sản xuất Pin,Ắc quy
Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình	Ninh Bình	51,00%	51,00%	SXKD Phân bón
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Phú Thọ	68,49%	68,49%	Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	51,01%	51,01%	Công nghiệp cao su
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Đà Nẵng	50,51%	50,51%	Công nghiệp cao su
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	TP Hồ Chí Minh	65,00%	65,00%	SXKD Phân bón
Công ty Cổ phần Xà Phòng Hà Nội	Hà Nội	80,00%	80,00%	Hóa chất tiêu dùng
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cần Thơ	51,00%	51,00%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Thuốc sát trùng

**Đơn vị sự nghiệp**

Thông tin chi tiết về các đơn vị sự nghiệp của Tập đoàn vào ngày 30/06/2024 như sau:

Tên đơn vị sự nghiệp	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Trường Cao đẳng Công nghiệp Hoá chất	Phú Thọ	Đào tạo, nghiên cứu khoa học
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	Viện nghiên cứu

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn vào ngày 30/06/2024 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Cảng Đạm Ninh Bình	Ninh Bình	49,00%	49,00%	Kinh doanh cảng
Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp Việt	Tây Ninh	43,18%	43,18%	Sản xuất hóa chất
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Hà Nội	29,91%	29,91%	Tư vấn đầu tư, xây dựng
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Hà Nội	26,28%	26,28%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	Hà Nội	36,00%	36,00%	Công nghiệp cao su
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Đồng Nai	36,00%	36,00%	Hóa chất tiêu
Công ty TNHH Inoue Việt Nam	Hà Nội	24,00%	24,00%	Công nghiệp cao su

**Đầu tư vào đơn vị khác:**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác vào ngày 30/06/2024 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC	TP Hồ Chí Minh	15,00%	15,00%	Nhựa và Hóa chất
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	Hà Nội	1,99%	1,99%	Sản xuất Pin
Công ty Cổ phần PinẮc quy Vĩnh Phú	Phú Thọ	18,53%	18,53%	Sản xuất Pin,Ắc quy

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>317.920.000</b>	-	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>327.515.875</b>	<b>(245.435.875)</b>	<b>287.435.875</b>	<b>(245.435.875)</b>
- Công ty Thiết bị và Sản phẩm An toàn Việt Nam	215.675.139	(215.675.139)	215.675.139	(215.675.139)
- Công ty Cổ phần Thiết bị Thực phẩm	29.760.736	(29.760.736)	29.760.736	(29.760.736)
- Các khách hàng khác	82.080.000	-	42.000.000	-
	<b>645.435.875</b>	<b>(245.435.875)</b>	<b>287.435.875</b>	<b>(245.435.875)</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Bên khác</i>	<b>7.712.580.267</b>	-	<b>7.475.684.278</b>	-
- Công ty Hữu Hạn Công trình SEDIN (*)	1.209.096.535	-	1.209.096.535	-
- Công ty Hữu hạn Giám sát Dự án hóa dầu GuangDong Shunye (*)	2.490.802.532	-	2.490.802.532	-
- Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Phát triển Hạ tầng (*)	690.822.638	-	690.822.638	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sơn Lập	859.597.671	-	859.597.671	-
- Các khoản trả trước người bán khác	2.462.260.891	-	2.225.364.902	-
	<b>7.712.580.267</b>	-	<b>7.475.684.278</b>	-

(\*) Khoản tạm ứng cho các nhà thầu thi công Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	2.232.635.508.339	(2.146.399.185.235)	-	30.000.000.000	2.202.635.508.339	(2.157.551.232.848)
- Công ty Cổ phần PinẮc quy Vĩnh Phú <sup>(1)</sup>	6.600.000.000	(6.600.000.000)	-	-	6.600.000.000	(6.600.000.000)
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình <sup>(2)</sup>	2.226.035.508.339	(2.139.799.185.235)	-	30.000.000.000	2.196.035.508.339	(2.150.951.232.848)
	<b>2.232.635.508.339</b>	<b>(2.146.399.185.235)</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>2.202.635.508.339</b>	<b>(2.157.551.232.848)</b>

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

	Loại tiền	Hợp đồng cho vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2024	01/01/2024
						VND	VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>							
<sup>(1)</sup> Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Vĩnh Phú	VND	Số 210/ HCVN-TCKT	16%	2013	Tín chấp	6.600.000.000	6.600.000.000
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng						2.196.035.508.339	2.226.035.508.339
						<b>2.202.635.508.339</b>	<b>2.232.635.508.339</b>



	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2024	01/01/2024
					VND	VND
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>						
<sup>(2)</sup> Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình						
Hợp đồng 01/2016/HĐ-HCVN	VND	6,00%	2019	Tín chấp	238.039.389.394	268.039.389.394
Hợp đồng 08/2016/HĐ-HCVN	VND	6,50%	2019	Tín chấp	367.035.935.536	367.035.935.536
Hợp đồng 04/2017/HĐ-HCVN	VND	6,50%	2020	Tín chấp	366.519.037.093	366.519.037.093
Hợp đồng 11/2017/HĐ-HCVN	VND	6,50%	2020	Tín chấp	362.087.535.970	362.087.535.970
Hợp đồng 18-T.01/2018/HĐ-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	361.150.772.989	361.150.772.989
Hợp đồng 19-T.02/2018/HĐ-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	4.128.112.394	4.128.112.394
Hợp đồng 20-T.03/2018/HĐ-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	36.848.277.451	36.848.277.451
Hợp đồng 21-T.04/2018/HĐ-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	3.678.712.339	3.678.712.339
Hợp đồng 22-T.05/2018/HĐ-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	3.312.703.482	3.312.703.482
Hợp đồng 23-T.06/2018/HĐ-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	2.392.913.386	2.392.913.386
Hợp đồng 24-T.07/2018/HĐ-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	393.286.440.063	393.286.440.063
Hợp đồng 25-T.08/2018/HĐ-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	3.457.630.948	3.457.630.948
Hợp đồng 26-T.09/2018/HĐ-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	10.629.151.553	10.629.151.553
Hợp đồng 27-T.10/2018/HĐ-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	3.148.281.225	3.148.281.225
Hợp đồng 28-T.12/2018/HĐ-HCVN	VND	6,80%	2021	Tín chấp	40.320.614.516	40.320.614.516
					<b>2.196.035.508.339</b>	<b>2.226.035.508.339</b>
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng					(2.196.035.508.339)	(2.226.035.508.339)
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn thu hồi sau 12 tháng					-	-

## 8. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>Văn phòng tập đoàn</b>				
- Dự thu lãi tiền gửi	11.918.931.505	-	15.033.547.946	-
- Ký cược, ký quỹ	221.500.000	-	-	-
- Phải thu Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình tiền lãi cho vay <sup>(1)</sup>	352.504.018.197 (342.269.870.355)		351.431.990.648 (336.361.047.082)	
- Phải thu Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình theo thông báo nhận nợ của Tập đoàn <sup>(1)(*)</sup>	5.945.020.518.472 (5.122.154.737.095)		5.812.571.821.404 (4.540.801.018.462)	
- Phải thu Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình về tiền lãi vay ngân hàng mà Tập đoàn chưa thanh toán <sup>(1)</sup>	700.148.738.877 (607.323.297.582)		748.148.738.877 (610.943.616.659)	
- Phải thu Công ty Cổ phần PinẮc quy Vĩnh Phú tiền lãi cho vay	1.665.377.779 (1.665.377.779)		1.665.377.779 (1.665.377.779)	
- Phải thu các đơn vị thành viên tiền cổ tức, lợi nhuận được chia	210.426.149.208	-	168.082.017.453	-
- Phải thu Công ty TNHH Muối mỏ Việt Lào tiền cấp hoạt động <sup>(2)</sup>	1.522.534.202.324	-	1.522.534.202.324	-
- Phải thu Công ty TNHH Muối mỏ Việt Lào tiền thi hành án <sup>(2)(**)</sup>	811.081.144.171	-	812.043.803.460	-
- Phải thu Công ty TNHH Muối mỏ Việt Lào tiền chi phí thăm dò khai thác <sup>(2)</sup>	88.638.729.140	-	88.638.729.140	-
- Phải thu từ thanh lý tài sản loại ra khi cổ phần hoá Công ty Cổ phần Đạm Hà Bắc	4.761.270.000	-	4.761.270.000	-
- Phải thu khác	5.626.953.534	-	2.952.063.261	-
<b>Ban Quản lý dự án Đạm Ninh Bình</b>				
- Phải thu Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình (tiền Tập đoàn tạm cấp cho Ban Quản lý Dự án Đạm Ninh Bình để chuyển tiền cho Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình) <sup>(1)</sup>	434.960.201.934	-	434.960.201.934	-
- Phải thu Tổng Công ty Thiết kế và Thầu khoán Hoàn Cầu tiền mua than cám dùng cho chạy thử nhà máy <sup>(1)</sup>	703.442.647.766	-	703.442.647.766	-
- Phải thu Tổng Công ty Thiết kế và Thầu khoán Hoàn Cầu tiền lãi vay cho chạy thử nhà máy <sup>(1)</sup>	21.525.444.789	-	21.525.444.789	-
- Phải thu khác	170.058.144	-	170.058.144	-
	<b>10.814.645.885.840</b>	<b>(6.073.413.282.811)</b>	<b>10.687.961.914.925</b>	<b>(5.489.771.059.982)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	373.300.000	-	221.500.000	-
	<b>373.300.000</b>	<b>-</b>	<b>221.500.000</b>	<b>-</b>

## 8. PHẢI THU KHÁC (Tiếp)

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	7.432.633.477.480	(6.071.747.905.032)	7.347.112.752.863	(5.488.105.682.203)
- Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	2.422.254.075.635	-	2.423.216.734.924	-
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	4.761.270.000	-	4.761.270.000	-
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	15.407.603.108	-	112.161.938.453	-
- Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	-	-	29.999.679.000	-
- Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	-	-	18.579.600.000	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	72.667.500.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	56.106.201.600	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	33.048.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	15.579.406.500	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	15.052.438.000	-	-	-
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina	3.405.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Vĩnh Phú	3.507.330.912	(1.665.377.779)	3.507.330.912	(1.665.377.779)
	<b>10.074.422.303.235</b>	<b>(6.073.413.282.811)</b>	<b>9.939.339.306.152</b>	<b>(5.489.771.059.982)</b>

(1) Các khoản phải thu liên quan đến Dự án đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm. Tại thời điểm 30/06/2024, Dự án đã tạm bàn giao đưa vào sử dụng cho Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình nhưng đến nay chưa được quyết toán công trình hoàn thành, Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình chưa thanh toán đầy đủ các khoản nợ vay và lãi vay.

(\*) Khoản tiền Tập đoàn thanh toán nợ gốc và lãi vay đầu tư dự án Đạm Ninh Bình cho Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình theo các thông báo nhận nợ; Theo đó Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình có trách nhiệm nhận nợ và trả nợ cho Tập đoàn số tiền 115.878.125,17 USD (tương đương 2.926.270.294.916 VND) và 3.018.750.223.556 VND với lãi suất từ 4% đến 9,6%/năm đến khi Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình trả nợ cho Tập đoàn.

(2) Các khoản phải thu liên quan đến Dự án Khai thác và Chế biến muối mỏ tại huyện Nongbok, tỉnh Khammouan, nước CHDCND Lào; Tại thời điểm 30/06/2024, Dự án đã dừng triển khai và đang thực hiện các thủ tục thanh lý hợp đồng với các bên liên quan.

(\*\*) Các khoản tiền đã được Tập đoàn trả thay Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào và phải trả liên quan đến các quyết định thi hành án, thanh toán tiền theo các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Toà án và theo thỏa thuận thanh toán sau phán quyết Trọng tài cho Vụ tranh chấp với các Nhà thầu TTCL và TVC.

## 9. NỢ XẤU

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ <b>Phải thu khách hàng</b>	<b>245.435.875</b>	-	<b>245.435.875</b>	-
+ <b>Phải thu khác</b>	<b>6.999.338.653.325</b>	<b>925.925.370.514</b>	<b>6.913.817.928.708</b>	<b>1.424.046.868.726</b>
Công ty CP Pin Ấc quy Vĩnh Phú	1.665.377.779	-	1.665.377.779	-
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	6.997.673.275.546	925.925.370.514	6.912.152.550.929	1.424.046.868.726



## 9. NỢ XẤU (Tiếp)

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>+ Phải thu về cho vay</b>	<b>2.202.635.508.339</b>	<b>45.084.275.491</b>	<b>2.232.635.508.339</b>	<b>86.236.323.104</b>
Công ty CP PinẮc quy Vĩnh Phú	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	2.196.035.508.339	45.084.275.491	2.226.035.508.339	86.236.323.104
<b>- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm ... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu</b>	<b>3.372.687.661.265</b>		<b>- 2.250.374.865.167</b>	<b>-</b>
Công ty CP PinẮc quy Vĩnh Phú	5.785.689.967	-	5.785.689.967	-
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	3.366.901.971.298	-	2.244.589.175.200	-
	<b>9.202.219.597.539</b>	<b>971.009.646.005</b>	<b>9.146.698.872.922</b>	<b>1.510.283.191.830</b>

## 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự án đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm <sup>(1)</sup>	98.858.294.991	98.858.294.991
Dự án xây dựng trụ sở làm việc 1A Trảng Tiền <sup>(2)</sup>	1.884.513.727	1.884.513.727
Dự án xây dựng chung cư Yên Hoà <sup>(3)</sup>	142.902.000	142.902.000
Dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc của Tập đoàn tại 3B Đặng Thái Thân	509.236.000	28.000.000
	<b>101.394.946.718</b>	<b>100.913.710.718</b>

<sup>(1)</sup> Dự án đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm tại Ninh Bình, chủ đầu tư là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam với tổng mức đầu tư là 667.046.504 USD, tương đương 10.806.153.346.000 đồng (Tỷ giá 16.200 đồng/USD) tại KCN Ninh Phúc, Ninh Bình. Ngày 15/10/2012, BQL dự án Đạm Ninh Bình đã thực hiện bàn giao dây chuyền sản xuất Urê cho Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình để hoạt động theo biên bản bàn giao nguyên trạng nhà máy Đạm Ninh Bình giữa 3 bên: Ban Quản lý dự án Đạm Ninh Bình, Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam với giá trị tài sản tạm bàn giao là 11.633 tỷ đồng. Tập đoàn tạm điều chỉnh giảm một phần giá trị tài sản tạm bàn giao trên sổ sách của BLQ Dự án Nhà máy Đạm Ninh Bình.

<sup>(2)</sup> Dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại số 1A, Phố Trảng tiền, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội từ năm 2006. Ngày 17/03/2017, Hội đồng Thành viên Tập đoàn ban hành Nghị quyết số 47/NQ-HĐTV thống nhất về việc dừng dự án này.

<sup>(3)</sup> Thực hiện Quyết định số 1886/QĐ-BTC ngày 01/08/2014 của Bộ Tài chính về việc thu hồi nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước và Quyết định số 5503/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thu hồi cơ sở nhà, đất tại số 57 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam có văn bản số 1342/HCVN-TCKT ngày 21/10/2014 gửi Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Hóa chất về việc Bàn giao cơ sở nhà, đất tại 57 Yên Hòa, Cầu Giấy. Ngày 01/12/2017, Trung tâm Thương mại và Dịch vụ hóa chất và Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội đã thực hiện ký nhận biên bản nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	6.371.833.777	14.529.069.805	12.948.179.255	2.653.288.431	36.502.371.268
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.371.833.777</b>	<b>14.529.069.805</b>	<b>12.948.179.255</b>	<b>2.653.288.431</b>	<b>36.502.371.268</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	6.371.833.777	14.529.069.805	7.362.310.210	2.333.928.031	30.597.141.823
- Khấu hao trong kỳ	-	-	683.908.026	83.311.416	767.219.442
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.371.833.777</b>	<b>14.529.069.805</b>	<b>8.046.218.236</b>	<b>2.417.239.447</b>	<b>31.364.361.265</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	5.585.869.045	319.360.400	5.905.229.445
Tại ngày cuối kỳ	-	-	<b>4.901.961.019</b>	<b>236.048.984</b>	<b>5.138.010.003</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 26.129.520.259 VND

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	1.363.500.000	540.279.800	1.903.779.800
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.363.500.000</b>	<b>540.279.800</b>	<b>1.903.779.800</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	540.279.800	540.279.800
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	<b>540.279.800</b>	<b>540.279.800</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	1.363.500.000	-	1.363.500.000
Tại ngày cuối kỳ	<b>1.363.500.000</b>	-	<b>1.363.500.000</b>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 540.279.800 đồng.

### 13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là 12 căn hộ thuộc Khu đô thị RESCO với giá trị theo Biên bản Quyết toán là 8.396.609.400 đồng. Tập đoàn mua với mục đích đền bù di dời 12 hộ dân trong khuôn viên trụ sở Tập đoàn để xây dựng trụ sở mới, đến thời điểm này các hộ dân chưa nhận nhà để di dời.

Theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐTV, Phiên họp thứ 06 – năm 2020 của Hội đồng thành viên ngày 19/03/2020, Hội đồng thành viên đã chấp thuận đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn về việc tiếp tục thực hiện nhượng bán 12 căn hộ chung cư của Tập đoàn tại Khu đô thị RESCO, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Đến thời điểm hiện tại, Tập đoàn vẫn đang thực hiện chuyển nhượng 12 căn hộ chung cư này.

## 14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tiền thuê đất	470.153.437	-
- Chi phí bảo hiểm	732.000.000	-
- Chi phí trả trước về thuê xe ô tô	112.400.000	426.800.000
	<b>1.314.553.437</b>	<b>426.800.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Tiền thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ, Hải Phòng (*)	4.418.061.512	4.521.400.549
	<b>4.418.061.512</b>	<b>4.521.400.549</b>

(\*) Tiền thuê đất trả tiền một lần tại khu đất CN5.3A rộng 30.000 m<sup>2</sup> tại Khu công nghiệp Đình Vũ theo Hợp đồng thuê đất số DVIZJSC.074.2009.LLC.MKG ngày 30/12/2009. Thời hạn thuê đất từ ngày 01/12/2009 đến ngày 02/04/2047.

## 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>457.546.015.175</b>	<b>457.546.015.175</b>	<b>457.953.392.875</b>	<b>457.953.392.875</b>
- Tổng Công ty Thiết kế và Thầu khoán Hoàn Cầu (*)	456.162.007.887	456.162.007.887	456.162.007.887	456.162.007.887
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (*)	1.058.852.655	1.058.852.655	1.058.852.655	1.058.852.655
- Đối tượng khác	325.154.633	325.154.633	732.532.333	732.532.333
	<b>457.546.015.175</b>	<b>457.546.015.175</b>	<b>457.953.392.875</b>	<b>457.953.392.875</b>

(\*) Khoản phải trả nhà thầu thi công Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm.



## 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	250.136.962	392.215.801	569.537.814	-	72.814.949
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.137.758.280	-	-	-	17.137.758.280	-
- Thuế thu nhập cá nhân	211.259.413	194.700.284	1.616.964.008	2.353.564.008	762.475.129	9.316.000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	76.124.805	1.027.518.599	1.103.643.404	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	158.378.109.926	-	-	-	158.378.109.926	-
	<b>175.727.127.619</b>	<b>520.962.051</b>	<b>3.041.698.408</b>	<b>4.031.745.226</b>	<b>176.278.343.335</b>	<b>82.130.949</b>

Quyết toán thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>Văn phòng Tập đoàn</b>		
- Phải trả Ngân hàng VDB phần tiền lãi <sup>(1)</sup>	96.000.000.000	96.000.000.000
- Phải trả Công ty TNHH Hoá chất và Muối mỏ Việt Lào tiền thu hồi bảo lãnh tạm ứng hợp đồng Gói thầu số 9 (PMC)	1.660.000.000	1.660.000.000
- Phải trả Nhà thầu TTCL và TVC theo phán quyết Trọng tài	-	75.522.532.924
- Phải trả khác	11.185.815.469	13.637.940.719
<b>Ban quản lý dự án Ninh Bình</b>		
- Phải trả Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình liên quan đến chi phí sản phẩm chạy thử <sup>(2)</sup>	95.101.727.211	95.101.727.211
- Phải trả khác	319.426.892	319.426.892
	<b>204.266.969.572</b>	<b>282.241.627.746</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	91.067.000	219.227.000
- Phải trả Ngân hàng VDB phần tiền lãi <sup>(1)</sup>	604.148.738.877	652.148.738.877
	<b>604.239.805.877</b>	<b>652.367.965.877</b>
<b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	1.660.000.000	1.660.000.000
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	95.101.727.211	95.101.727.211
	<b>96.761.727.211</b>	<b>96.761.727.211</b>

<sup>(1)</sup> Khoản phải trả ngân hàng các khoản lãi. Tại ngày 30/06/2024 được phân loại lại theo các biên bản làm việc và hợp đồng gia hạn nợ gốc, nợ lãi phải trả.

<sup>(2)</sup> Khoản phải trả liên quan đến Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm.

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	11.874.779.227.183	2.069.329.955.942	(1.787.663.946.519)	471.417.728.361	12.627.862.964.967
Lãi trong kỳ trước	-	-	102.951.075.408	-	102.951.075.408
Số dư cuối kỳ trước	<b>11.874.779.227.183</b>	<b>2.069.329.955.942</b>	<b>(1.684.712.871.111)</b>	<b>471.417.728.361</b>	<b>12.730.814.040.375</b>
Số dư đầu kỳ này	11.874.779.227.183	2.069.329.955.942	(884.390.267.676)	471.417.728.361	13.531.136.643.810
Lãi trong kỳ này	-	-	106.567.395.850	-	106.567.395.850
Số dư cuối kỳ này	<b>11.874.779.227.183</b>	<b>2.069.329.955.942</b>	<b>(777.822.871.826)</b>	<b>471.417.728.361</b>	<b>13.637.704.039.660</b>

## b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	11.874.779.227.183	100,00%	11.874.779.227.183	100,00%
	<b>11.874.779.227.183</b>	<b>100,00%</b>	<b>11.874.779.227.183</b>	<b>100,00%</b>

## c) Các quỹ của Tập đoàn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2.069.329.955.942	2.069.329.955.942
	<b>2.069.329.955.942</b>	<b>2.069.329.955.942</b>

## 19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

## a) Tài sản nhận giữ hộ

	30/06/2024		01/01/2024	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		VND		VND
Cổ phiếu giữ hộ cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương Mại Phương Đông				
- Cổ phiếu của Ông Trương Khắc Thông	74.042	10.000	74.042	10.000
- Cổ phiếu của Ông Trương Khắc Trí	74.042	10.000	74.042	10.000
- Cổ phiếu của Ông Trương Khắc Huệ	74.042	10.000	74.042	10.000

## b) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/06/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ	USD	442,90	442,90

## 20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.555.294.536	1.692.810.551
	<b>1.555.294.536</b>	<b>1.692.810.551</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	927.964.075	939.304.433



## 21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	358.857.918	469.933.386
	<b>358.857.918</b>	<b>469.933.386</b>

## 22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.501.518.323	93.799.802.425
Lãi bán các khoản đầu tư	-	100.455.358.400
Cổ tức, lợi nhuận được chia	688.611.239.000	463.015.992.800
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.097.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	133.521.262.275	2.592.570.863
	<b>860.635.116.598</b>	<b>659.863.724.488</b>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	<b>688.611.239.000</b>	<b>462.871.459.800</b>

## 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	19.560.000	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	95.719.549.191	(40.370.095.521)
Chi phí tài chính khác	-	230.000.000
	<b>95.739.109.191</b>	<b>(40.140.095.521)</b>

## 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.348.738.086	1.787.605.194
Chi phí nhân công	33.283.907.876	24.394.409.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	767.219.442	570.128.277
Chi phí dự phòng	594.794.270.442	548.055.539.383
Thuế, phí và lệ phí	668.186.173	703.715.858
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.757.075.588	1.125.212.746
Chi phí khác bằng tiền	25.711.034.506	21.535.672.151
	<b>660.330.432.113</b>	<b>598.172.282.729</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	106.567.395.850	102.951.075.408
Các khoản điều chỉnh giảm	(592.891.689.809)	(503.386.088.321)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(688.611.239.000)	(463.015.992.800)
- Chi phí dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chênh lệch với chi phí thuế	95.719.549.191	(40.370.095.521)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(486.324.293.959)	(400.435.012.913)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(17.137.758.280)	(17.137.758.280)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>(17.137.758.280)</b>	<b>(17.137.758.280)</b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của cơ quan thuế/ kiểm toán nhà nước	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
		VND	VND	VND
2019	Chưa thanh tra, kiểm toán	2.012.699.461.924	-	2.012.699.461.924
2020	Đã kiểm toán Nhà nước	1.735.305.560.400	-	3.748.005.022.324
2021	Chưa thanh tra, kiểm toán	-	-	3.748.005.022.324
2022	Đã kiểm toán Nhà nước	157.993.752.174	-	3.905.998.774.498
2023	Chưa thanh tra, kiểm toán	1.218.950.272.981	-	5.124.949.047.479
2024				5.124.949.047.479

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá khả năng Tập đoàn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng này là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Tập đoàn có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Tập đoàn có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá trong tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Đầu tư dài hạn	-	61.458.604.694	-	61.458.604.694
	-	<b>61.458.604.694</b>	-	<b>61.458.604.694</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Đầu tư dài hạn	-	61.458.604.694	-	61.458.604.694
	-	<b>61.458.604.694</b>	-	<b>61.458.604.694</b>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Tập đoàn chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

**Rủi ro về lãi suất:**

Tập đoàn chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tập đoàn có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	191.362.057.802	-	-	191.362.057.802
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.741.632.603.029	373.300.000	-	4.742.005.903.029
Các khoản cho vay	4.480.825.508.339	-	-	4.480.825.508.339
	<b>9.413.820.169.170</b>	<b>373.300.000</b>	-	<b>9.414.193.469.170</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.001.266.661	-	-	55.001.266.661
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.198.232.854.943	221.500.000	-	5.198.454.354.943
Các khoản cho vay	4.079.685.508.339	-	-	4.079.685.508.339
	<b>9.332.919.629.943</b>	<b>221.500.000</b>	-	<b>9.333.141.129.943</b>



**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	661.812.984.747	604.239.805.877	-	1.266.052.790.624
	<b>661.812.984.747</b>	<b>604.239.805.877</b>	<b>-</b>	<b>1.266.052.790.624</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	740.195.020.621	652.367.965.877	-	1.392.562.986.498
	<b>740.195.020.621</b>	<b>652.367.965.877</b>	<b>-</b>	<b>1.392.562.986.498</b>

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**28. THÔNG TIN KHÁC****Dự án Khai thác và Chế biến muối mỏ tại huyện Nongbok, tỉnh Khammouan, nước CHDCND Lào**

Ngày 29/05/2018, Hội đồng thành viên Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã ban hành Nghị Quyết số 174/NQ-HĐTV, ngày 08/06/2018, Tổng Giám đốc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã gửi Công văn số 995/HCVN-ĐTĐXD, yêu cầu Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào (Vilachemsalt) phát hành văn bản thông báo chấm dứt các hợp đồng tới các Nhà thầu thuộc Dự án Khai thác và chế biến muối mỏ tại huyện Nongbok, tỉnh Khammouan, nước CHDCND Lào. Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng có hiệu lực, yêu cầu Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào tổ chức đàm phán với các nhà thầu để tiến hành quyết toán, thanh lý các hợp đồng thuộc Dự án theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật nước Lào.

Ngày 11/09/2018, Hội đồng thành viên Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã ban hành Nghị Quyết số 272/NQ-HĐTV về việc giao Vilachemsalt khẩn trương thực hiện thông báo chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư tới Nhà thầu EPC; Trả lại Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu và thực hiện các công việc liên quan theo các quy định của Hợp đồng EPC về việc chấm dứt hợp đồng có hiệu lực; Sau khi chấm dứt hợp đồng EPC có hiệu lực, giao Vilachemsalt tổ chức đàm phán với Nhà thầu EPC để tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng EPC thuộc dự án theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật nước Lào.

Ngày 26/10/2018, Hội đồng thành viên Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã ban hành Nghị Quyết số 296/NQ-HĐTV về việc chấm dứt các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cho Dự án muối mỏ Kali tại Lào.

Hiện tại, Tập đoàn đang trình cấp có thẩm quyền phương án xử lý đối với dự án.

**Dự án Nhà máy sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 1.760 tấn urê/ngày (560.000 tấn urê/năm)**

Tại thời điểm 30/06/2024, Nợ ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình là 6.527 tỷ VND, Tài sản ngắn hạn là 2.377 tỷ VND, lỗ lũy kế đã vượt vốn chủ sở hữu 5.401 tỷ VND. Trong kỳ, Công ty đã trả cho Tập đoàn số tiền 30 tỷ VND nợ gốc; trả nợ cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam số tiền 48 tỷ nợ lãi. Số nợ lãi còn lại đến 30/06/2024 là 700.148.738.877 VND.

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 568/2017/BC.KTQT-AASC-KTDA ngày 19/10/2017 về Quyết toán dự án hoàn thành Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn urê/năm đã đưa ý kiến từ chối.

## 29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

## 30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tập đoàn là doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Các bên liên quan được định nghĩa ở Thuyết minh số 2.22. Thông tin chi tiết về các bên liên quan là công ty con, công ty liên kết được trình bày ở Thuyết minh số 4.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tập đoàn còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>927.964.075</b>	<b>939.304.433</b>
Công ty TNHH Hóa chất và muối mỏ Việt - Lào	123.667.781	82.758.979
Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	116.000.000	96.000.000
Công ty Cổ phần Xà Phòng Hà Nội	48.000.000	48.000.000
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	260.000.000	260.000.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	-	20.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	60.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Việt Nam	55.555.554	54.545.454
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	20.000.000	104.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	30.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	40.000.000	40.000.000
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	84.000.000	104.000.000
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	40.740.740	40.000.000
<b>Mua hàng</b>	<b>236.351.000</b>	<b>239.107.650</b>
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	-	9.750.000
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	19.500.000	-
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	-	13.000.000
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	104.000.000	115.150.350
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	26.000.000	35.454.000
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	19.500.000	-
Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Việt Nam	36.111.000	35.454.000
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	18.000.000	18.000.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	-	12.299.300
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	13.240.000	-
<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>688.611.239.000</b>	<b>462.871.459.800</b>
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	56.106.201.600	46.755.168.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	71.827.500.000	57.462.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	15.579.406.500	12.463.525.200
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	25.256.887.000	22.731.198.300

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
<b>Doanh thu tài chính (Tiếp)</b>		
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	49.572.000.000	57.834.000.000
Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	11.949.136.500	23.898.273.000
Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình	12.837.484.800	10.430.456.400
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Tri	22.578.657.000	11.289.328.500
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	41.999.550.600	107.998.844.400
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	74.318.400.000	74.318.400.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	-	461.516.000
Công ty Cổ phần Cảng đạm Ninh Bình	-	3.430.000.000
Công ty TNHH Inoue Việt Nam	303.258.000.000	-
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA	2.605.350.000	33.798.750.000
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	722.665.000	-
<b>Chi phí hỗ trợ đơn vị hành chính sự nghiệp</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
Trường Cao đẳng Công nghiệp hóa chất	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Thu nhập khác</b>	<b>840.000.000</b>	
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	840.000.000	

### 31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2023.

Người lập biểu



Vi Hoàng Sơn

Phụ trách Ban Tài chính Kế toán



Lương Thị Anh Đào

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2024

Tổng Giám đốc



Phùng Quang Hiệp